***Ngày soạn: 30/01 /2023***

**Tiết:106**

**CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức:**

- Đặc điểm hai thành phần biệt lập: tình thái, cảm thán.

- Công dụng của hai thành phần trong câu.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung**: Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác.

**b. Năng lực chuyên biệt:**

- Đọc hiểu ngữ liệu nhận diện đặc điểm 2 thành phần biệt lập.

- Viết: Biết vận dụng vào đặt câu, viết văn.

**3. Phẩm chất:**

- Học tập sử dụng hai thành phần biệt lập này trong nói và viết.

**II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch dạy học

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Đọc, chuẩn bị bài theo câu hỏi SGK

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu những đặc điểm cơ bản của các thành phần biệt lập

**b. Nội dung:**  HS xác định các thành phần của câu văn cho trước.

**c. Sản phẩm:** Hs suy nghĩ trả lời

**d. Tổ chức thực hiện:**

**\*GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:**Cô giáo có câu:

- Chao ôi, các em chăm học quá!

- Có lẽ Lan nghỉ học vì ốm.

Xác định kết cấu C-V của 2 câu văn trên? Cho biết từ “Chao ôi”, “Có lẽ” có tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu không? Vậy nó là thành phần gì?

**\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:** suy nghĩ và trả lời:

**\* Báo cáo kết quả:**HS trả lời, 2 Hs phản biện

**\* Đánh giá kết quả**

*- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*

*- Giáo viên nhận xét, đánh giá*

*->Giáo viên chốt kiến thức*

GV dẫn dắt vào bài học

1. **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** |
| **a. Mục tiêu:**  Giúp HS nắm được những nét cơ bản về Thành phần tình thái  **b. Nội dung:** HS tìm hiểu ở nhà phần ví dụ  **c. Sản phẩm:** phiếu học tập, câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  \* **Gv chuyển giao nhiệm vụ**  Treo bảng phụ các VD phần I- gạch dưới các từ in đậm SGK, HS theo dõi  Những câu trên trích từ văn bản nào?  Xác định cấu trúc cú pháp các câu trên?  Các từ ngữ gạch chân trong 2 câu trên thể hiện nhận định của người nói đối với sự việc nêu trong câu như thế nào? Tìm một số từ tương tự như những từ đó  (Gợi ý:? Từ nào thể hiện thái độ tin cậy cao hơn?)  Nếu bỏ những từ ngữ đó đi thì nghĩa sự việc của câu chứa chúng có thay đổi không? Vì sao?  \***Hs tiếp nhận nhiệm vụ và thực hiện yêu cầu**  ***-*** HS đọc yêu cầu.  - HS hoạt động cá nhân.  - HS hoạt động cặp đôi.  - HS thảo luận.   * **\* Dự kiến TL:**   a)Với lòng … anh, chắc anh nghĩ rằng...cổ anh.  (Khởi ngữ) (CN) (VN)  b) Anh quay lại nhìn con vừa .......vừa cười.  (CN) (VN)  Có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên anh phải cười vậy thôi.  (CN) (VN)  - “ chắc”, “ có lẽ” là nhận định của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.  - “chắc”: độ tin cậy cao hơn.  - “có lẽ”: độ tin cậy thấp.  - một số từ khác:  - chắc chắn, chắc hẳn, chắc là, nhất định, thế nào cũng….-> độ tin cậy cao.  - hình như, dường như, nghe nói, có lẽ là…-> độ tin cậy thấp.   * Bỏ chúng thì nghĩa của câu không thay đổi   **\* Báo cáo kết quả:**   * - Đại diện nhóm trình bày.   -Hs phản biện  **\* Đánh giá kết quả**  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức*  -Gv chốt: Không thay đổi vì các từ đó không nằm trong thành phần chính, không trực tiếp nêu sự việc(tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu) mà chỉ thể hiện thái độ của người nói đối với sự việc trong câu. Những từ ngữ này là thành phần tình thái.  ? Vậy em hiểu thế nào là thành phần tình thái  - Tình thái là thành phần được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.  HS trình bày, nhận xét->Gv chốt  HS đọc GN  Lấy VD minh họa  HS phản biện->Gv chốt .  **a. Mục tiêu:**  Giúp HS nắm được những nét cơ bản về Thành phần cảm thán  **b. Nội dung:** HS tìm hiểu ở nhà phần ví dụ  **c. Sản phẩm:** phiếu học tập, câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  \* **Gv chuyển giao nhiệm vụ**  Treo bảng phụVD phần II.  Các từ gạch chân có chỉ sự vật sự việc không? Chúng có tham gia vào nòng cốt câu không?  Các từ ” trời ơi”,”ồ” thể hiện thái độ tâm trạng gì?  Các từ này có thể tách thành câu đặc biệt được không? Nếu được là loại câu nào?  \* **Hs tiếp nhận nhiệm vụ**  ***-*** HS đọc yêu cầu.  - HS hoạt động cá nhân.  - HS hoạt động cặp đôi.  - HS thảo luận.   * **\* Dự kiến TL:**   - Không chỉ sự vật, sự việc mà biểu lộ thái độ, tình cảm. Không tham gia vào nòng cốt câu.  - Có thể tách câu->câu đặc biệt (câucảm thán).   * **\* Báo cáo kết quả:**Đại diện nhóm trình bày.   **\* Đánh giá kết quả**  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức*  GV giảng: những từ trên được gọi là thành phần cảm thán.  Vậy em hiểu thế nào là thành phần cảm thán?  **Hđ cặp đôi**:  Điểm giống nhau của TPTT và TPCT là gì? Thế nào là thành phần biệt lập  Hs trình bày, phản biện  Gv chốt.  HS đọc phần GN? VD minh họa | **I. Thành phần tình thái**   1. **1.Ví dụ**   **2. Nhận xét**  - Chắc, có lẽ là nhận định của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.  - “Chắc:: thể hiện độ tin cậy cao.  - “Có lẽ”: thể hiện độ tin cậy thấp.  ->Thể hiện nhận định của người nói với sự việc được nói đến trong câu.  ->Không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu.  -> Thành phần tình thái  **II. Thành phần cảm thán**   1. Ví dụ   **2. Nhận xét**  -“trời ơi”-> tiếc nuối; -“ồ” ->vui sướng  -> Biểu lộ thái độ t́nh cảm của người nói  -> Không tham gia diễn đạt nghĩa sự việc của câu  => thành phần cảm thán.  3. Ghi nhớ: (sgk) |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

|  |  |
| --- | --- |
| **a. Mục tiêu:**  Giúp HS luyện kĩ năng làm bài: nhận diện TPTT, TPCT, kĩ năng sáng tạo  **b. Nội dung:** HS tìm hiểu làm bài tập sgk  **c. Sản phẩm:** Vở bài tập  **d. Tổ chức thực hiện:**  **\* Gv chuyển giao nhiệm vụ** lần lượt từng yêu cầu bài tập  **\* Hs tiếp nhận và làm việc**  **\* Báo cáo kết quả:**vở bài tập - 1 số hs lên bảng làm  **\* Đánh giá kết quả**  *- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*  *- Giáo viên nhận xét, đánh giá*  *->Giáo viên chốt kiến thức* | **III. Luyện tập**  **1. Bài tập 1:** Xác định TP tình thái, TP cảm thán.  - TP tình thái:  a) có lẽ c)chả lẽ  b) hình như  - TP cảm thán:  b) chao ôi.  **2. Bài tập 2.**  **3. Bài tập 3.**  - Chịu trách nhiệm cao nhất về độ tin cậy  Với lòng…hình như…anh nghĩ rằng.  \* “ chiếc lược ngà” dùng “ chắc” biểu thị độ tin cậy cao của sự việc nói đến |

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:**  Giúp HS vận dụng sáng tạo kiến thức đã học làm bài tập thực hành.

**b. Nội dung:** HS tìm hiểu trên lớp

**c. Sản phẩm:** Vở bài tập của hs.

**\* Gv chuyển giao nhiệm vụ**

Viết một đoạn văn trình bày tác dụng của việc đọc sách với con người, trong đó có chứa 1 khởi ngữ và 1 thành phần biệt lập

**\* Hs tiếp nhận nhiệm vụ và làm bài**

**\* Báo cáo kết quả:** Hs trình bày, phản biện

**\* Đánh giá kết quả**

*- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*

*- Giáo viên nhận xét, đánh giá*

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- T ìm thành phần biệt lập đã học trong bài “Tiếng nói của văn nghệ

**Tiết107**

**CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP**

**(tiếp theo)**

**Thời gian thực hiện: 1 tiết**

**I. MỤC TIÊU:**

**1.Kiến thức:**

- Đặc điểm của thành phần gọi đáp và thành phần phụ chú.

- Công dụng của thành phần gọi đáp và thành phần phụ chú.

**2. Năng lực:**

**a. Năng lực chung:** năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực tự chủ và tự học.

**b. Năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ: đọc hiểu nhận biết thành phần gọi đáp, thành phần phụ chú trong câu.

- Viết Đặt câu có sử dụng hai thành phần đó. Tạo lập đoạn văn sử dụng TPBL.

**3. Phẩm chất:**

-Chăm học, ý thức việc sử dụng thành phần biệt lập trong khi nói và viết.

**II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Kế hoạch dạy học

- Học liệu: bảng phụ, tài liệu tham khảo, phiếu học tập.

**2. Chuẩn bị của học sinh:** Đọc sgk & trả lời các câu hỏi .

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**1. HOẠT ĐỘNG MỞ ĐẦU**

**a. Mục tiêu:**

- Tạo tâm thế hứng thú cho HS.

- Kích thích HS tìm hiểu về vai trò và tầm quan trọng của sách.

**b. Nội dung:**

- Hoạt động cá nhân, HĐ chung cả lớp.

**c. Sản phẩm:** Trình bày miệng

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:***

- Gv viết các câu trên bảng:

1. Ôi, trời rét thế!

2. Cũng may mà bằng mấy nét vẽ, họa sĩ đã ghi xong lần đầu gương mặt người thanh niên.

3. Trâu ơi ta bảo trâu này

Trâu ra ngoài ruộng trâu cày với ta.

4. Chính Hữu (tác giả của bài thơ "Đồng chí") tên thật là Trần Đình Đắc.

? Tìm thành phần biệt lập trong các câu trên.

? Hãy cho biết tên gọi của các thành phần biệt lập đó?

***\* HS tiếp nhận và hực hiện nhiệm vụ:***

- HS nghe yêu cầu, thực hiện cuộc thi trên bảng.

- Trả lời miệng.

**\* Dự kiến trả lời:**

- Ôi

- Cũng may

- Trâu ơi, này

- ( tác giả của bài thơ "Đồng chí")

Học sinh có thể chỉ ra được thành phần biệt lập đã học nhưng không chỉ ra được thành phần mà chưa được học.

**\*Báo cáo kết quả:** Hs tra lời

**\*Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

- Gv lấy những điều học sinh còn chưa biết rõ để vào bài học hôm nay.

**2. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI MỚI**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Chuẩn KTKN cần đạt** |
| **Hoạt động 1: Tìm hiểu đặc điểm và công dụng của thành phần gọi - đáp:**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS nắm được những nét cơ bản về đặc điểm và công dụng của thành phần gọi- đáp.  **b. Nội dung:** HS hoàn thành yêu cầu vào phiếu học tập tìm hiểu ví dụ.  **c. Sản phẩm:** phiếu học tập, câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  ***\*GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:***  - YC HS đọc vd?  - Phân tích cấu tạo ngữ pháp câu a, b, c?  - Xác định vị trí của từ in đậm trong câu?  - Các từ ngữ đó có tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu không? Vì sao?  **\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:**  *-* HS: Làm việc cá nhân, sau đó thống nhất kết quả trong nhóm  - GV: Quan sát, lựa chọn sản phẩm tốt nhất.  \* Dự kiến trả lời::  - Bộ phận in đậm ->đứng tr­ước CN (ko có qh C-V)  - Không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa của câu.  - Dùng để tạo lập, duy trì cuộc hội thoại.  ***\* Báo cáo kết quả:***HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe.  ***\* Đánh giá kết quả:***  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng  ? Em hiểu thành phần gọi đáp là gì?  ? Đặt câu có thành phần gọi- đáp?  - Yêu cầu học sinh đọc ghi nhớ sgk.  Gv chia học sinh làm bốn nhóm cùng chơi trò chơi sau:  Trong vòng 5 phút, nhóm viết ra những câu ca dao, hò vè, thơ có sử dụng thành phần gọi đáp và gạch chân dưới các thành phần đó. Đội nào viết được nhiều và đúng nhất sẽ giành chiến thắng.  - Hs thảo luận nhóm, viết ra giấy.  - Hs trình bày dán trên bảng, đọc và xác định  - Hs nhóm khác nhận xét.  - Gv nhận xét 4 nhóm, cho điểm  **Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc điểm và công dụng của thành phần phụ chú:**  **a. Mục tiêu:** Giúp HS nắm được những nét cơ bản về đặc điểm và công dụng của thành phần phụ chú.  **b. Nội dung:** HS hoàn thành yêu cầu vào phiếu học tập tìm hiểu ví dụ.  **c. Sản phẩm:** phiếu học tập, câu trả lời của HS.  **d. Tổ chức thực hiện:**  ***\*GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:***  GV gọi HS đọc các ví dụ  ? Nếu l­ược bỏ các từ in đậm nghĩa của câu có thay đổi không? Vì sao?  ? Trong câu a các từ ngữ in đậm đ­ược dùng để làm gì (chú thích cho từ ngữ nào)  ? Trong câu b, cụm chủ vị in đậm được dùng để làm gì, chú thích điều gì?  ***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:***  *-* HS: Làm việc cá nhân, sau đó thống nhất kết quả trong nhóm  - GV: Quan sát, lựa chọn sản phẩm tốt nhất.  \* Dự kiến trả lời::  - Khi bỏ các từ in đậm nghĩa của câu không thay đổi vì các từ đó không nằm trong cấu trúc cú pháp.  - Từ in đậm trong câu a chú thích: Đứa con gái đầu lòng của anh.  - Cụm chủ vị in đậm trong câu b chú thích cho suy nghĩ của nhân vật Tôi.  ***\* Báo cáo kết quả:***HS lên bảng trình bày kết quả chuẩn bị của nhóm, các nhóm khác nghe.  ***\* Đánh giá kết quả:***  - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  ->Giáo viên chốt kiến thức và ghi bảng  ? Thế nào là thành phần phụ chú của câu?  ? Dấu hiệu nhận biết thành phần phụ chú, cấu tạo thành phần phụ chú?  GV: HS đọc ghi nhớ. | **I. Thành phần gọi- đáp**  **1. Ví dụ**  **2. Nhận xét**  *Này*: dùng để gọi.  *Th­ưa ông*: dùng để đáp.  - Những từ này không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc của câu-> chúng là các thành phần biệt lập.  - Công dụng:  - Từ: *Này* dùng để tạo lập cuộc hội thoại.  - Từ: *Thư­a ông* dùng để duy trì cuộc hội thoại.  **3. Ghi nhớ: SGK**  **II. Thành phần phụ chú.**  **1.Ví dụ .**  **2. Nhận xét:**  - Khi bỏ các từ in đậm nghĩa của câu không thay đổi vì các từ đó không nằm trong cấu trúc cú pháp.  - Từ in đậm trong câu a chú thích: Đứa con gái đầu lòng của anh  - Cụm chủ vị in đậm trong câu b chú thích cho suy nghĩ của nhân vật Tôi. |

**3. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**Bài tập 1:**

**a. Mục tiêu:** HS biết xác định được thành phần gọi - đáp trong văn cảnh cụ thể.

**b. Nội dung:** HS đọc yêu cầu và trả lời yêu cầu các bài tập.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS; vở ghi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:***

- Đọc yêu cầu.

- Xác định khởi ngữ trong các câu?

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:***

- Nghe và làm bt

**\* Dự kiến trả lời:**

a. Từ dùng để gọi: *Này*

b. Từ dùng để đáp: *Vâng*

**\* Báo cáo kết quả:**HS trả lời

**\* Đánh giá kết quả**

*- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*

*- Giáo viên nhận xét, đánh giá*

*->Giáo viên chốt kiến thức*

**2. Bài tập 2:**

**a. Mục tiêu:** HS biết xác định được thành phần gọi - đáp trong câu ca dao

**b. Nội dung:** HS nghe câu hỏi trả lời yêu cầu.

**c. Sản phẩm:** Phiếu học tập; vở ghi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:***

- Đọc yêu cầu bài tập.

- xác định được thành phần gọi - đáp

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:***

- Nghe và làm bt

**\* Dự kiến trả lời:**

a. Cụm từ dùng để gọi: *Bầu ơi*

b. Đối tượng hướng tới của sự gọi: tất cả các thành viên trong cộng đồng người Việt

**\* Báo cáo kết quả:**HS trả lời

**\* Đánh giá kết quả**

*- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*

*- Giáo viên nhận xét, đánh giá*

*->Giáo viên chốt kiến thức*

**3. Bài tập 3:**

**a. Mục tiêu:** HS viết được một đoạn văn có sử dụng khởi ngữ.

**b. Nội dung:** HS đọc yêu cầu, viết đv.

**c. Sản phẩm:** vở ghi.

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:***

- Đọc yêu cầu bài tập.

- Tìm thành phần phụ chú và nêu tác dụng của thành phần đó trong từng ví dụ

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ:***

- Nghe và làm bt

**\* Dự kiến trả lời:**

a. TP phụ chú *"kể cả anh"* giải thích cho cụm từ "*mọi người*"

b. TP phụ chú *"các thầy, cô giáo, các bậc cha mẹ, đặc biệt là những người mẹ"* giải thích cho cụm từ *"những người nắm giữ chìa khoá của cánh cửa này"*

c. TP phụ chú *"những người chủ thực sự của đất nước trong thế kỷ tới"* giải thích cho cụm từ "*lớp trẻ"*

d. Các TP phụ chú và tác dụng của nó

- Thành phần phụ chú *"có ai ngờ*" thể hiện sự ngạc nhiên của nhân vật trữ tình "*tôi"*

- TP phụ chú *" thương quá đi thôi*" thể hiện tình cảm trìu mến của nhân vật trữ tình *"tôi"* với nhân vật *"cô bé nhà bên"*

**\* Báo cáo kết quả:**HS trả lời

**\* Đánh giá kết quả**

*- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*

*- Giáo viên nhận xét, đánh giá*

*->Giáo viên chốt kiến thức*

**4. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** HS biết vận dụng kiến thức đã học áp dụng vào cuộc sống thực tiễn.

**b. Nội dung:** HS vận dụng kiến thức đã học về văn bản để trả lời câu hỏi của GV.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

***\* GV chuyển giao nhiệm vụ cho HS:***

- Tạo lập một cuộc hội thoại từ hai nhân vật trở lên trong đó có sử dụng thành phần gọi đáp phù hợp.

- Từ đó rút ra bài học trong giao tiếp

***\* HS tiếp nhận và thực hiện nhiệm vụ.***

- Nghe yêu cầu.

- Trình bày cá nhân

- Dự kiến sp:

VD:

Mẹ: Con ơi con đã làm xong bài chưa?

Con: Dạ, thưa mẹ, con đã làm xong rồi ạ!

= > khi giao tiếp cần sử dụng thành phần gọi đáp cho phù hợp với lứa tuổi, thứ bậc trong gia đình...

**\* Báo cáo kết quả:**HS trả lời

**\* Đánh giá kết quả**

*- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá*

*- Giáo viên nhận xét, đánh giá*

*->Giáo viên chốt kiến thức*

**\* Hướng dẫn học và làm bài ở nhà:**

- Tìm thành phần gọi đáp và phụ chú trong những văn bản văn học mà em đã được học ở học kì 1

- Học bài, hoàn thiện các bài tập vào vở.

- Chuẩn bị bài:

**Tiết:108 -109**

**LUYỆN TẬP VIẾT DẠNG BÀI TẬP LÀM VĂN**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Học sinh củng cố và khắc sâu kiến thức về kiểu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng của đời sống xã hội

**2. Năng lực:**

**a. Các năng lực chung:**

- Năng lực tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy; năng lực giao tiếp; năng lực hợp tác; năng lực sử dụng ngôn ngữ.

**b. Các năng lực chuyên biệt:**

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ.

Năng lực nghe, nói, đọc, viết, phân tích, tổng hợp vấn đề, tạo lập văn bản

**3. Phẩm chất:**

- Yêu quê hương đất nước, yêu Tiếng Việt.

- Tự lập, tự tin, tự chủ.

*-* Giáo dục HS ý thức làm bài nghiêm túc.

**II. CHUẨN BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:**

GV: Đề bài, đáp án- biểu điểm:

Đề bài: *Suy nghĩ của em về hành động vứt rác bừa bãi nơi công cộng của nhiều bạn trẻ hiện nay.*

Đáp án - biểu điểm:

Yêu cầu về hình thức: (2,0 điểm)

- Bài viết đúng thể loại: nghị luận về sự việc hiện tượng (0,5 điểm)

- Đảm bảo đủ bố cục, trình bày hợp lí bố cục. (0,5 điểm)

- Bài viết sạch sẽ cẩn thận, không sai chính tả, dùng từ đặt câu...(0,5 điểm)

- Có sự sáng tạo trong cách viết....(0,5 điểm)

Yêu cầu về Nội dung cần đạt:(8 điểm)

1. Mở bài: (1 điểm)

- Giới thiệu được hiện tượng vứt rác bừa bãi nơi công cộng của nhiều bạn trẻ hiện nay

- Nêu nhận xét khái quát về mức độ, tính chất, hậu quả của hiện tượng.

2. Thân bài: (6 điểm)

- Giải thích và nêu biểu hiện của hiện tượng: (1,5điểm)

- Giải thích được thế nào là rác thải, thế nào là nơi công cộng.

- Nêu được những biểu hiện của hiện tượng: ở nhà thì không vứt nhưng ở nơi công cộng thì vứt không hề suy nghĩ. Trong trường học, học sinh sinh viên... vứt đủ loại rác từ vỏ bánh kẹo, túi bóng, chai nước , giấy viết. Ở ngoài đường các bạn cũng vứt rác vô tội vạ.....Ở công viên......Ở nơi du lịch.....Thậm chí ở nơi thiêng liêng như đình chùa cũng xảy ra hiện tượng các bạn vứt rác bừa bãi.....

- Hậu quả của hiện tượng: (1,5điểm)

- Làm mất mĩ quan môi trường nơi công cộng

- Làm ô nhiễm môi trường, tác nhân gây ra một số căn bệnh ...

- Gây tốn kém sức người sức của để thu dọn rác thải, tiêu hủy rác thải

- Làm giảm giá trị du lịch nhất là với những nơi danh lam thắng cảnh...

- Nguyên nhân:(1,5điểm)

- Chủ quan: do ý thức của con người, chỉ biết sạch nhà mình, nơi công cộng tha hồ xả rác, ý thức bảo vệ môi trường còn kém.

- Khách quan:

Do cuộc sống hiện đại, rác nhiều.

Do sự giáo dục làm gương của gia đình còn ít.

Do các hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường còn chưa có chiều sâu.

Do sự xử phạt hành vi vứt rác còn nhẹ, chủ yếu là nhắc nhở....

- Biện pháp khắc phục hiện tượng trên:(1,5điểm)

- Bản thân học sinh phải nâng cao hiểu biết, ý thức bảo vệ môi trường.

- Gia đình người thân phải thường xuyên nhắc nhở nêu gương

- Thày cô nhà trường cần xây dựng hoạt động tìm hiểu môi trường, thi bảo vệ môi trường

- Chính quyền địa phương, công ty môi trường cần quan tâm đến môi trường hơn, có biện pháp xử phạt nghiêm minh: phạt lao động công ích, phạt vào kinh tế..

- Những công ty sản xuất cần sản xuất sản phẩm thân thiện với môi trường, có thể tái chế, hoặc có thể sử dụng được toàn bộ sản phẩm không phải vứt bỏ cái gì.....

3. Kết bài: (1 điểm)

- Khẳng định lại hiện tượng: đây là hiện tượng gây ra nhiều hậu quả xấu trực tiếp đến con người.

- Rút ra bài học: phải biết chung tay bảo vệ môi trường, nói không với vứt rác bừa bãi, phân loại rác đúng quy định...

- HS: Xem lại dàn ý của kiểu bài nghị luận về một sự việc hiện tượng đời sống.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

1. Ổn định tổ chức

2. KTBC: Kiểm tra sự chuẩn bị của HS

3. Bài mới:

- Giáo viên chép lên bảng.

- Giáo viên nhắc nhở ý thức làm bài của học sinh.

- Học sinh làm bài

- Gv coi kiểm tra.

4. Thu bài, nhận xét giờ kiểm tra.

5. Dặn dò: về nhà soạn bà